



Alexander Hall viewed from Blair Arch, Princeton University

Tôi trở lại Princeton vào một sáng mùa xuân sau gần sáu năm xa cách. Khi bước qua cánh cổng sắt rèn tinh xảo nép giữa mấy trụ đá điêu khắc uy nghi, tôi bất giác cảm thấy như lạc vào một giấc mơ giữa đời thực, một nơi mà quá khứ và hiện tại hài hòa gắn kết. Lòng tôi chùng xuống trong niềm xúc động bồi hồi khôn tả.

Những hàng cây cổ thụ, dẫu đã bạc màu theo năm tháng, vẫn kiên cường vươn mình trong làn gió ẩm sương mai. nắng xuân dịu dàng rải xuống những con đường lát đá, tôi nhẹ lên những mái vòm cổ kính một sắc vàng tao nhã quý tộc. Dọc bên bờ East Lake, trước cổng chính của *Robertson Hall*, hàng mộc lan mong manh khoe sắc, những vòm hoa hồng nhạt nhẹ nhàng soi mình trên mặt nước tĩnh lặng tựa như tấm gương, không biết đang phản chiếu hình ảnh ký ức hay tiếc nuối bước đi của thời gian.

Trên các lối đi phủ bóng cây xanh mát, sinh viên trong trang phục giản dị rộn ràng bước về hướng các giảng đường, vui vẻ chuyện trò như hòa điệu nhịp sống trẻ trung, tươi mới vào sự tĩnh mịch, bác cổ của khung cảnh nơi đây.

Tôi dừng chân trên thoi đường gạch nhỏ, *The 20th Century Recognition Memorial Walk*, lối tưởng niệm tĩnh lặng nổi khuôn viên cổ kính và hàng phố nhộn nhịp của thị trấn Princeton, nơi những phiến gạch rêu phong khắc ghi tên tuổi của những bậc thiên tài đã đến đây, những tâm hồn lớn đã từng gắn bó với Princeton, để lại hào quang của trí tuệ ưu việt và tinh thần cống hiến. Tôi cố bước thật chậm, ngại làm xao động bao ký ức đang như bùng dậy giữa lòng đất. Những cái tên hiện ra – Einstein, Oppenheimer, Madison, Fitzgerald [1] ... – quen thuộc như lời vọng về xa xăm từ quá khứ, vang lên giữa hơn 2,500 viên gạch chạm khắc đơn giản. Ở đó, giữa những dòng chữ lặng lẽ, là chức danh khiêm tốn của những bậc danh gia vọng tộc, những nhà khoa học kỳ tài, những tao nhân mặc khách, và cũng có cả tên họ những cư dân bình dị của thị trấn xưa. Tất cả như đang cùng kể một câu chuyện dài về tình yêu tri thức, về tinh thần Princeton, về khát vọng tiến đến một xã hội hạnh phúc hơn.



Memorial Square (M.S.), The 20th Century Walk và các viên đá khắc tên Einstein, Oppenheimer. Tượng chúa sơn lâm trên M.S. là biểu tượng của Princeton University.

Tôi bâng khuâng nghĩ đến những nhà phát minh đã từng sinh hoạt và làm việc nơi đây. Họ đã dẫn thân nghiên cứu, sáng tạo nghệ thuật, giảng dạy bao thế hệ học trò với niềm tin tuyệt đối vào khả năng đổi thay của con người. Trong trường, họ không náo nhiệt ồn ào, chỉ chăm chú hoàn tất những điều họ thấy cần làm. Nhưng những bước chân đầy kiên định của họ

đã âm thầm vạch đường, soi lối, thắp lửa cho một sứ mệnh lớn lao, sứ mệnh phụng sự khoa học để nâng cao cuộc sống của nhân loại.

Dưới những tán cây xanh thắm phủ bóng khắp khuôn viên trường, biết bao nhà nghiên cứu đã miệt mài đi tìm lời giải cho những câu hỏi về khoa học vũ trụ, khám phá các học thuyết nhân văn và cùng nhau chia sẻ tri thức để bù đắp thiếu sót, tháo gỡ vướng mắc, đồng tâm hợp tác giải quyết vấn đề. Và sự trao đổi cởi mở đã nuôi dưỡng tư duy học thuật tự do, đề cao tinh thần khai sáng, khơi dậy sự chủ động trong nghiên cứu và giảng dạy, và tác động tích cực đến tinh thần của các thế hệ sinh viên trẻ, thúc đẩy họ tiếp nối hành trình khám phá.

Những học giả lỗi lạc khi dừng chân nơi đây không chỉ để lại những thành tựu xuất sắc mà còn truyền lại định hướng, mở lối cho thế hệ sau tiếp bước. Tư duy đổi mới, những giá trị nhân bản, niềm đam mê nghệ thuật, cùng khát khao không ngừng khai phá đã trở thành ngọn đuốc soi đường cho những thế hệ kế tiếp. Họ là những người gieo hạt, nuôi dưỡng những mầm xanh của tri thức tương lai và uốn nắn để thế hệ tiếp nối vươn tới những khát vọng vĩnh cửu của nhân loại: tự do, chân lý và nhân tính. Những vị giáo sư này không chỉ là biểu tượng của sự uyên bác mà còn là những chứng nhân thầm lặng của thời đại.

Tuy đã khuất bóng, nhưng bia tưởng niệm, những công trình khoa học giá trị, cùng vài di vật đặc biệt của một số thiên tài vẫn được trân trọng gìn giữ trong khuôn viên trường. Tất cả không chỉ để khẳng định những đóng góp mang tầm vóc lịch sử mà còn nhắc nhở mọi thành viên: tri thức là một hành trình không bao giờ khép lại. Mỗi thế hệ trẻ đều có thể trở thành người kế thừa, kẻ sáng tạo, người gìn giữ, và kẻ phát huy những giá trị tốt đẹp, góp phần xây dựng một thế giới kết tinh hoàn mỹ giữa khoa học, nhân văn và nghệ thuật.

Đứng trước những viên gạch khắc thô sơ, tôi không chỉ cảm thấy sự ngưỡng mộ dành cho những nhà khoa học kiệt xuất, mà còn như được tiếp cận với dòng chảy lịch sử. Mỗi dòng tên mang một câu chuyện, một dấu ấn của khát vọng và trí tuệ. Giữa không gian trầm hùng ấy, tôi bỗng thấy mình nhỏ bé mà cũng thật may mắn khi được kết nối với một cơ sở học thuật truyền thống lâu đời, và vẫn không ngừng vươn tới phía trước. Có lẽ những giá trị lặng thầm nhưng kiên định đó đã khiến Princeton University trở thành một điểm dừng đặc biệt trong hành trình của biết bao người. Không chỉ là nơi học tập, môi trường này còn là chốn để mỗi cá nhân được vun dưỡng, được thử sức, được mơ tưởng, và được chấp cánh để có thể hóa thân. Và rồi, dù thời gian sẽ trôi đi, những ký ức êm đẹp và cảm hứng hình thành từ nơi này vẫn luôn còn lại, âm thầm dẫn đường cho những bước đi tiếp theo của mỗi người.

Chậm rãi bước qua khu vườn tưởng niệm, *The 9/11 Memorial Garden*, tôi khựng lại bên chiếc chuông thiên cổ treo ở đầu lối vào, trước vòng đá màu khói hương khảm những ngôi sao đồng lấp lánh, tượng trưng cho các cựu sinh viên Princeton đã vĩnh



The 9/11 Memorial Garden

Credit: Princeton Archives

viễn ra đi trong thảm kịch bi đát ngày 11 tháng 9 năm 2001. Mơ hồ có làn gió thoảng qua, vài tán thông lao xao như chuyển đưa tiếng ngân của thời gian vọng về từ một ký ức tập thể chưa phai nhòa. Giữa không gian tĩnh mịch ấy, tôi có cảm tưởng những linh hồn bất hạnh chưa từng rời xa, vẫn lơ mờ hiện diện trong từng phiến đá, từng thảm cỏ, trong nhịp đập sâu thẳm

của Princeton. Khu vườn nhỏ, tuy vắng lặng nhưng cất giữ rất nhiều hoài niệm. Ở đây, mỗi mất mát không biến thành khoảng không, rồi tan mất trong quên lãng, mà trở thành một phần của ký ức sống, nơi quá khứ và hiện tại giao hòa bằng sự tri ân và tiếp nối.

Dẫu là lối tưởng niệm hay vườn tiếc thương, nơi đây không nhuộm màu u tịch buồn bã. Ngược lại, sự sống vẫn căng tràn trong từng tán cây, vạt nắng. Những hàng cổ thụ kiêu hãnh vươn cao, những khóm hoa rực rỡ khoe sắc, như một lời khẳng định lịch sử kiên cường sẽ không bao giờ nhòa phai, và truyền thống Princeton vẫn mãi được tiếp nối cùng thời gian. Có lẽ, sự vĩnh cửu không nằm trong những phiến đá khắc tên hay các ngôi sao tưởng niệm, mà hiện hữu trong hơi thở của mỗi thế hệ, trong khát khao vươn tới những chân trời mới.

Bên East Lake, trước Robertson Hall, vài cánh mộc lan mỏng manh nhẹ nhàng xoay mình trong làn gió xuân, rồi lặng lẽ đáp xuống mặt hồ tĩnh yên, gợn lên vài vòng loang tựa các nốt lặng menh mang cảm xúc trong khúc nhạc thời gian. Đứng trên những bậc thềm dẫn vào Scudder Plaza, lòng tôi trào dâng một cảm giác vừa lạ lẫm, vừa thân quen. Sau mấy năm xa cách, tôi từng nghĩ ký ức về Princeton đã nhạt nhòa, nhưng có vẻ như, từng viên đá lát đường, từng ô cửa bạc màu, từng mái vòm rêu phong vẫn hiện hữu nguyên vẹn trong tâm trí tôi, cảnh quan trước mắt gần gũi lạ thường như thể tôi chưa từng rời xa nơi đây.

Bất chợt, tôi băng khuông nhớ lại buổi sáng đầu tiên đặt chân đến Princeton University, một ngày mùa thu cuối thập niên 1990, để dự buổi phỏng vấn về công việc tại một Viện Nghiên Cứu thuộc phân khoa Economics của Woodrow Wilson School (bây giờ là *School of Public and International Affairs*). Ký ức ấy vẫn sống động như một bức tranh được lưu giữ cẩn thận và từng chi tiết đang hiện dần lên rất rõ nét.

Hôm ấy, tôi đã cảm thấy rất ngỡ ngàng khi khuôn viên trường trải dần ra như một tác phẩm nghệ thuật phong phú sắc thái. Những bờ tường đá đỏ phủ đầy dây thường xuân xanh thắm, những mái vòm cổ kính dẫn vào các sân courtyard thanh tao, nơi từng thớ đá nhiều tuổi miên man ngân vọng câu chuyện lịch sử xa xưa. Đâu đâu cũng ẩn chứa sức sống mãnh liệt và nổi bí ẩn diệu kỳ của sự tiến hóa.

Khuôn viên mở rộng về phía Tây trường gồm những tòa nhà mang phong cách bán cổ điển, uy nghiêm với hàng cột tròn sừng sững bao quanh các ô kính vòm luôn lấp lánh ánh sáng mặt trời. Khắp nơi, cây xanh đổ bóng trên những lối gạch quanh co, như những nét vẽ thi vị trên bức họa thiên nhiên. Toàn bộ khuôn viên mang vẻ đẹp thắm thắm chiều sâu, hài hòa giữa nghệ thuật kiến trúc và cảnh quan trữ tình. Sự kết hợp tinh tế làm nên một không gian lý tưởng cho việc học hỏi, nghiên cứu, giao lưu, và cũng là chốn lưu giữ những ký ức, cảm xúc, câu chuyện, ý thức tập thể của bao thế hệ tài năng.



Princeton University's Chapel

Credit: Istockphoto

Nhưng có lẽ dấu ấn sâu đậm nhất trong ký ức tôi buổi sáng hôm ấy là *the University Chapel*, một kiệt tác kiến trúc Gothic uy nghi ở gần trung tâm trường. Tôi không sao quên được khoảnh khắc khi những tia nắng đầu ngày len lỏi qua ô kính màu lộng lẫy

trên mái vòm nhà nguyện, phủ tràn ánh sáng huyền ảo lên toàn bộ không gian *McCosh courtyard*. Những gam màu tinh diệu ấy như đang sống, chuyển động, và hòa quyện trong một vũ điệu mê hoặc, có lẽ đã được tạo nên từ sự gặp gỡ tinh tế giữa vài ánh sao muộn của đêm hôm trước, vạt nắng mai nghiêng nhẹ, và hiệu ứng khúc xạ kỳ diệu lúc ánh dương xuyên

qua tầng mây đầu ngày. Khi tràn qua lớp kính vòm, ánh sáng đã vẽ nên một bức tranh sống động, tràn đầy sinh khí và xúc cảm, và như đã chuyển hóa cỏ hoa trong *McCosh courtyard* thành khu vườn sắc màu huyền thoại trong tranh của Claude Monet [2]. Mỗi màu như một nốt nhạc mang giai điệu riêng: khi bay bổng, lúc dịu êm, rồi lắng đọng như dẫn tôi bước vào một khung trời diễm ảo. Giây phút ấy khiến tôi đứng bất động thật lâu, như thể vừa chạm vào linh hồn của Princeton, nơi không chỉ là trung tâm của tri thức, mà còn là miền hứa hẹn của sự viên mãn, hạnh phúc cho bất kỳ ai tha thiết muốn góp phần giữ gìn hay làm đẹp thêm môi trường học thuật này.

Về sau, khi đã trở thành nhân viên của trường, năm nào trong ngày lá cờ hai sắc cam và đen mang dấu ấn của trường được hạ rũ lưng chừng trên kỳ đài trước *Nassau Hall* tôi cũng cùng các đồng nghiệp và đông đảo giáo sư, sinh viên từ khắp các khoa tụ hội nơi thánh đường trang nghiêm này vào ngày Lễ Tưởng Niệm, để tri ân những vị giáo sư, nhân viên, cùng các cựu sinh viên đã khuất. Không gian nhà nguyện thường ngân vang tiếng đàn *Mander-Skinner organ* [3], một kiệt tác âm nhạc giàu phong cách lãng mạn, được chế tác công phu vào đầu thế kỷ XX tại Hoa Kỳ. Những thanh âm thánh thót, tiết tấu du dương của nhạc cụ trăm năm tuổi ấy đã dìu nâng giọng ca của dàn hợp xướng bảy mươi thành viên, hòa quyện thành khúc thánh ca diễm tuyệt, vang vọng khắp không gian linh thiêng của nhà thờ, và theo mái vòm thiên cổ lan tỏa tới những khu courtyards, nơi sinh viên thường tụ họp chuyện trò giữa các giảng đường bao quanh Chapel. Không chỉ trong các nghi lễ tôn giáo, tiếng đàn dặt dìu từ Chapel còn ngân vang trong những buổi hòa nhạc đậm phong cách hàn lâm, những lễ hội đặc biệt, và cả trong một số sự kiện phi tôn giáo được tổ chức hàng năm, là minh chứng sống động của mối giao thoa giữa nghệ thuật và tri thức nơi đây. Có thể nói, Chapel là nơi mà quá khứ, hiện tại và tương lai của trường Đại học Princeton gặp nhau trong những thanh âm bất tận, đa tầng, đa sắc, thể hiện ý nghĩa sâu xa của một di sản trí tuệ vô giá.

*

Suốt những năm đi làm, tôi luôn cảm nhận không gian mọi nơi trong khuôn viên trường luôn sôi động và ngập tràn năng lượng. Giáo sư và sinh viên bị cuốn hút bởi niềm đam mê mãnh liệt dành cho khoa học, nhân văn, và nghệ thuật. Họ tự do tìm hiểu, không ngừng theo đuổi những ý tưởng mới lạ, đôi khi táo bạo và khác biệt, mang lại những góc nhìn độc đáo hoặc mở ra những hướng đi chưa từng được khám phá. Dường như ai nấy đều miệt mài tìm lời giải cho các vấn đề phức tạp của cuộc sống, kiên trì vượt qua những bế tắc và rào cản khó khăn, say mê đắm chìm trong dòng chảy bất tận của tri thức.

Tôi đã may mắn có cơ hội được hỗ trợ một số giáo sư trong môi trường học thuật tinh hoa này. Họ là những nhà khoa học xuất sắc, luôn tận tụy tìm tòi, thử nghiệm, và kiên trì theo đuổi lời giải thấu đáo nhất cho những vấn đề còn bỏ ngỏ. Với họ, nghiên cứu không chỉ đơn thuần là công việc mà còn là lẽ sống. Niềm đam mê khoa học khiến họ đôi khi gần như tách biệt khỏi những xáo động đời thường, không bận tâm đến sự đổi thay của thời gian, và sẵn sàng hy sinh lợi ích cá nhân hay giá trị vật chất. Có lẽ họ đã tự luyện để mạnh mẽ bước vào hành trình đơn độc, dẫn thân khám phá những điều chưa định hình rõ ràng.

Tuy vậy, ảnh hưởng từ các công trình nghiên cứu của họ không chỉ giới hạn trong giới học thuật, mà thường lan rộng đến cộng đồng và xã hội, mang lại những giải pháp hữu ích và giá trị thực tiễn cho nhiều vấn đề thiết yếu. Dù hành trình có phần cô đơn, tinh thần cộng tác và ý hướng chia sẻ đã kết nối họ và các nhà khoa học cùng lĩnh vực nghiên cứu ở khắp nơi thành một tập thể gắn bó, sẵn sàng hợp sức để đạt được thành quả mong đợi.

Bên cạnh đó, ban giám hiệu trường Princeton, với tầm nhìn khai phóng trong giáo dục và xã hội, luôn tận tâm hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để các giáo

sư không chỉ giảng dạy mà còn chuyên tâm phát triển nghiên cứu. Nhờ vậy, phần lớn các thành viên trong ban giảng huấn đều tích cực thực hiện các đề tài mà họ trăn trở, hoặc viết sách, và dẫn thân tham gia với vai trò cố vấn khoa học trong các dự án phát triển của chính phủ.

Sự đa dạng trong hoạt động học thuật của các giáo sư không những tạo nên những bước tiến đáng kể, mà còn góp phần xây dựng một cộng đồng tri thức mở, một mạng lưới khoa học vững mạnh, đoàn kết, góp phần thúc đẩy sự phát triển mang tầm quốc gia và quốc tế.

Tinh thần học thuật ấy không thể lớn mạnh trong đơn lẻ, mà cần một môi trường nuôi dưỡng và đồng hành. Do mối quan hệ chặt chẽ ấy, vai trò hỗ trợ tích cực của trường Princeton đã trở thành một nền tảng vững chắc cho hành trình phát triển của các giáo sư và nhân viên kỹ thuật.

Một trường hợp điển hình về sự trân trọng và bảo bọc các nhà khoa học của trường Đại học Princeton là câu chuyện về nhà vật lý tài danh Albert Einstein. Lần đầu tiên đến trường vào ngày 9 tháng 5 năm 1921, ông đã thuyết trình về thuyết tương đối (*The Theory of Relativity*), một lý thuyết vẫn còn gây tranh cãi trong giới khoa học thời điểm đó, nhưng các giáo sư và sinh viên trong ngành ở trường đã hân hoan tham dự và nhiệt tâm chia sẻ quan điểm, nhận định riêng với ông. Chuyến thăm này không chỉ đánh dấu sự kết nối của Einstein với Princeton mà còn đặt nền móng cho mối quan hệ đặc biệt giữa ông và trường trong nhiều năm về sau.



Einstein with Princeton Students in 1946

Năm 1933, khi Einstein và gia đình nhập cư vào Mỹ để tránh sự đàn áp của thể chế độc tài ở Đức, Princeton đã chào đón ông với lòng kính trọng và sự hỗ trợ thiết thực. Trường đã dành cho Einstein một văn phòng tại 109 Fine Hall (ngày nay là Jones Hall), nơi ông làm việc cho đến năm 1939, trong khi chờ đợi cơ sở hạ tầng của *The Institute for Advanced Study* [4] được hoàn thành. Trong thời gian đó, Einstein không chỉ giảng dạy tại Phòng thí nghiệm Vật lý Palmer (ngày nay là 302 Frist Campus Center), mà còn thường xuyên hợp tác với các giáo sư Vật Lý, tham gia các dự án nghiên cứu quan trọng và thuyết trình tại những hội thảo khoa học do trường tổ chức. Dù không giữ chức vụ giáo sư chính thức tại Princeton, ông vẫn có một ảnh hưởng sâu rộng đến sinh hoạt học thuật của trường.

Sự hỗ trợ của Princeton không chỉ mang lại cho Einstein một môi trường làm việc lý tưởng mà còn giúp ông tìm thấy sự an toàn và bình yên trong những năm tháng lưu vong nhiều biến động. Trong lá thư gửi Chủ tịch trường Đại học Princeton Harold Dodds vào ngày 14 tháng 1 năm 1937, Einstein đã bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc: *"Trước mọi gánh nặng mà tôi phải gánh chịu trong những năm gần đây, tôi cảm thấy vô cùng biết ơn vì Đại học Princeton đã mang đến cho tôi một nơi làm việc và một bầu không khí khoa học không thể tốt hơn hoặc hài hòa hơn."* [5]

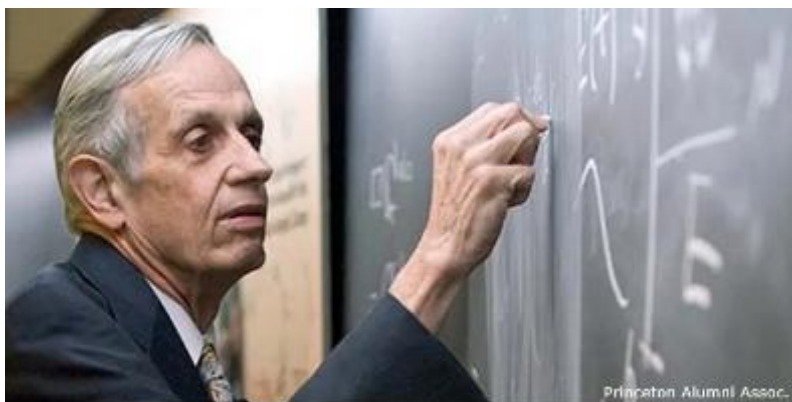
Những lời này không chỉ phản ánh tình cảm của Einstein đối với Princeton mà còn là một minh chứng cho sự bao dung và trân trọng nhân tài của ngôi trường nổi tiếng. Không chỉ đào tạo những nhà khoa học lỗi lạc, Princeton còn là một mái nhà thực sự, luôn thân thiện chào đón những bộ óc vĩ đại và chu đáo giúp đỡ họ tiếp tục cống hiến hữu ích cho khoa học và nhân loại.

Tôn chỉ giáo dục của trường Đại học Princeton, luôn đề cao giá trị nhân bản và tinh thần tương thân tương ái, đã được thể hiện thiết thực và kiên trì qua nhiều thập niên, đặc biệt trong việc bảo bọc và nâng đỡ nhà toán học nổi

tiếng John Nash, giúp ông gìn giữ nhân phẩm của một kẻ sĩ gặp nạn, và đã góp phần đưa ông vượt qua giai đoạn khốn khó của bệnh tật.

Vào cuối thập niên 1940, John Nash là một sinh viên xuất sắc tại Princeton, ông hoàn thành luận án tốt nghiệp tiến sĩ năm 1950 [6]. Sau khi tốt nghiệp, ông dạy tại Princeton hơn một năm, rồi chuyển sang làm chuyên viên nghiên cứu ở *Massachusetts Institute of Technology* (MIT). Trong thời gian này, ông đã tích cực đăng tải một số báo cáo khoa học với nội dung bao gồm những góc nhìn quan trọng có giá trị định hướng một số lý thuyết toán học thuần túy. Tuy nhiên, từ cuối thập niên 1950, căn bệnh tâm thần phân liệt bắt đầu tác động nặng nề đến tâm trí, nhận thức, và hành vi của ông, khiến ông không thể tiếp tục công việc tại MIT. Sau một thời gian điều trị trong các bệnh viện tâm thần và rời trại khi bệnh không thuyên giảm, sống lưu lạc khó khăn, ông đã quay về Princeton, nơi ghi dấu thời kỳ rực rỡ nhất của tuổi trẻ ông, trong tình trạng chưa hoàn toàn hồi phục. [6]

Từ thập niên 1970 đến đầu những năm 1990, gia đình Nash sống quanh thị trấn Princeton và ông hay lang thang trong khuôn viên trường. Nash thường lui tới Fine Hall, trụ sở của Phân Khoa Toán học và Thống kê, như một người



Thiên tài Toán Học John Nash giảng bài tại Princeton University

lạ mặt trầm lặng, dáng dấp bí ẩn đối với sinh viên. Trong suốt thời gian ấy, dù không giảng dạy hay nghiên cứu chính thức, ông vẫn được trường Princeton trân trọng ghi danh là “*research*

associate” và dành riêng một văn phòng trong khoa Toán Học tại Fine Hall. Nhờ sự nâng đỡ âm thầm, bền bỉ từ nhà trường và một số đồng nghiệp cũ,

đặc biệt là giáo sư trưởng khoa Harold Kuhn, bệnh tình của Nash dần thuyên giảm. Từ khoảng năm 1993–1994, ông bắt đầu tái hòa nhập với cộng đồng học thuật, tham gia hội thảo, trò chuyện với đồng nghiệp, hướng dẫn sinh viên và khởi động vài dự án tại Fine Hall.

Với sự hỗ trợ tích cực của giáo sư Kuhn và trường Đại học Princeton, John Nash được đề cử và sau đó đã vinh dự nhận giải Nobel về Kinh tế năm 1994, nhờ những đóng góp mang tính cách mạng trong lý thuyết trò chơi, đặc biệt là khái niệm *Nash Equilibrium*, được trình bày lần đầu tiên trong luận án tiến sĩ hoàn tất từ năm 1950 [7]. Trong bài phát biểu sau khi nhận giải, Nash đã xúc động nói: "*Nhờ sự đùm bọc của Princeton, tôi đã thoát khỏi cảnh vô gia cư.*" [7]

Dù nhận giải Nobel cho công trình hữu dụng trong kinh tế học, nhiều nhà toán học vẫn đánh giá những đóng góp của Nash cho toán học thuần túy, đã được công bố trong các bài viết uy tín của ông trước tuổi 30, còn quan trọng hơn. Chính nhờ những thành tựu lớn này, ông được trao Giải thưởng Abel (được đánh giá như "Nobel Toán học") năm 2015, trở thành nhà khoa học đầu tiên vào thời điểm đó nhận cả hai giải thưởng hàn lâm cao quý: Nobel và Abel prizes.

Trong hơn hai thập niên lâm lũ trong bóng tối của bệnh tâm thần, Nash hiện diện không khác một "bóng ma của Fine Hall" (theo từ "the phantom of Fine Hall" mà sinh viên thân mật nhắc đến ông) tại Princeton, một nhân vật bí ẩn, cô độc thường lẩm bẩm nói một mình hoặc viết những công thức toán học phức tạp lên bảng đen hoặc khung kính cửa sổ trong các phòng học trống tại Fine Hall. Ít ai ngờ người đàn ông đáng vẻ khác lạ, thường mang giày thể thao sặc sỡ, chính là nhà thiên tài toán học John Nash, người từng định hình khái niệm *Nash Equilibrium* và *Nash Embedding Theorem* mà sinh viên các ngành Toán học, Kinh tế học, Sinh học tiến hóa và Chính Trị học đều biết đến qua sách giáo khoa.[6]

Ba thập niên sống trong câm lặng và lãng quên từng khiến giới khoa học ngỡ rằng Nash đã mất. Nhưng rồi, như một phép màu, ông hồi phục và trở lại, để tiếp tục góp phần vào sự phát triển của toán học và để lại một di sản học thuật vàng son.[7]

Câu chuyện cảm động về cuộc đời Nash, cùng tình yêu bao dung của vợ ông, Alicia, và sự giúp đỡ tận tình của trường Princeton đã gây nhiều xúc động cho nhà báo Sylvia Nasar, cũng là một giáo sư về Kinh Tế Học tại Columbia, viết nên tiểu thuyết *A Beautiful Mind* (1998), sau đó được chuyển thể thành bộ phim cùng tên vào năm 2001. Tác phẩm không chỉ tái hiện hành trình phi thường của một thiên tài bị căn bệnh tâm thần vùi lấp, mà còn là biểu tượng về lòng nhân ái, sức mạnh của sự nâng đỡ từ cộng đồng, và khả năng vượt qua nghịch cảnh của con người. [9]

Có lẽ sự phục hồi của John Nash đã phần nào nhờ vào môi trường sinh hoạt lành mạnh tại khuôn viên trường Princeton, nơi ông được đối xử như một người bình thường trong suốt nhiều năm tâm trí bị rối loạn. Tại đây, ông tự do đi lại, tham dự các buổi hội thảo trong khoa, thưởng thức những chương trình biểu diễn nghệ thuật, quan sát cuộc sống thường nhật trong trường, và giao lưu với đồng nghiệp cũng như sinh viên trong ngành. Sự hòa nhập này đã góp phần giúp ông, từng bước, vượt qua căn bệnh tâm thần phân liệt, tìm lại sự ổn định trong cuộc sống.

Trong những năm làm việc tại Princeton, tôi đã có cơ hội nhiều lần nhìn thấy giáo sư Nash, một thiên tài giản dị, khiêm tốn, luôn xuất hiện với trang phục xuề xòa, lặng lẽ chờ đợi chuyển xe điện hai-toa Dinky tại trạm dừng phía Nam khuôn viên trường để về nhà ông ở Princeton Junction. Thỉnh thoảng, tôi cũng bắt gặp ông thông thả đạp xe đến khu courtyard giữa Fine Hall và Jadwin Hall, chậm rãi bước vào khoa, đôi khi dừng lại trò chuyện với sinh viên. Những hình ảnh ấy, dù bình dị, lại mang sức lôi cuốn đặc biệt với tôi, mấy ai ngờ một nhà toán học xuất chúng đã từng phải sống những năm

tháng đầy khó khăn, và đã vượt qua tất cả, trở lại tiếp tục nghiên cứu, giảng dạy trong không gian học thuật mà ông yêu quý.

Tôi cũng nhận ra những năm làm việc tại trường Princeton, dù chỉ là một nhân viên phụ tá nhỏ nhoi tại môi trường học thuật lớn lao này, đã giúp tôi trưởng thành và hoàn thiện hơn so với chính mình của hơn một thập niên trước đó. Tôi đã học được cách vượt qua những thiếu sót của bản thân bằng nguyên tắc ý thức và chấp nhận sự chưa hoàn hảo, kiên trì khắc phục các yếu kém, không so đo hay phê phán đồng nghiệp, hòa đồng vào sự đa dạng. Tôi đã luôn trân trọng phẩm chất và thành quả, dù còn thiếu sót hay vấp vấp khuyết điểm, của đội nhóm, đồng thời nghiêm túc hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao với tâm thế tích cực. Có lẽ nhờ vậy, tôi dần nhận ra giá trị cốt lõi của cuộc sống, ý nghĩa của sự cống hiến cho xã hội, và từng bước định hình con đường hợp lý để theo đuổi. Khi nhìn lại những sai lầm trong quá khứ, tôi không né tránh mà chú tâm sửa đổi. Trong môi trường Princeton, tôi đã không ngừng nỗ lực để trở thành phiên bản tốt hơn của chính bản thân.

*

Lang thang trên khuôn viên trường một lúc, tôi không giấu nổi xúc động khi bất ngờ gặp lại ba người đồng nghiệp cũ, những người bạn đã cùng tôi chia sẻ biết bao kỷ niệm và hoài bão trong suốt gần mười sáu năm làm việc tại một Viện Nghiên Cứu của trường. Cuộc hội ngộ bất ngờ như đánh thức cả một vùng ký ức tưởng chừng đã ngủ yên. Những câu chuyện năm xưa bừng lên trong tâm trí, rồi êm ái ùa về, miên man như một dòng chảy dịu ngọt giữa nhịp đời đã trở nên phức tạp, nhiều dẫn đo, dè dặt.

Chúng tôi nhắc lại những buổi hội thảo sôi nổi đầu thập niên 2010, những mùa lễ tốt nghiệp rộn rã tiếng cười và giọng nói, bao gương mặt có thể đã phai mờ theo năm tháng nhưng tiếng bước chân qua hành lang trong khoa

vẫn như còn vang lên quen thuộc. Nhớ bao ánh mắt sinh viên cháy bỏng khát vọng như sắc hoa phượng rực rỡ tháng Năm ở quê xưa, rồi bàng hoàng ngỡ ngàng khi hình ảnh Sài Gòn cũ thoáng hiện lên giữa khuôn viên Princeton. Nhớ cả những cuộc hội ngộ chan chứa tình thân, nơi các thế hệ cựu sinh viên cùng nhau tìm lại quãng ngày thanh xuân tươi đẹp.

Trong một khoảnh khắc khắc nghiệt xót xa, chúng tôi cùng nhau tưởng niệm hai vị giáo sư rất tận tâm trong khoa đã rời cõi thế trong những năm tôi vắng mặt. Khi đi ngang qua văn phòng cũ của họ, bước đi của tôi đã trĩu nặng như bị cầm giữ lại. Có một thoáng ngẩn ngui, tôi nghe tim mình nghẹn ngào, ràn rụa hàng nước mắt tiếc thương.

Lúc dạo bước cùng các bạn quanh East Lake, chúng tôi hồi tưởng về những lễ hội đặc biệt đã tham dự. Trong khoảng thời gian cùng nhau đồng hành ngày trước, Woodrow Wilson School từng tổ chức 9 buổi tiệc trà tại Robertson Hall để chúc mừng 12 giáo sư, nghiên cứu viên, cựu sinh viên nhận giải Nobel Kinh Tế [10]. Những buổi lễ tràn ngập niềm hân hoan và giòn giã nhiều tràng pháo tay tán thưởng của sinh viên và nhân viên trong phân khoa. Sau đó, thường vào một ngày giữa mùa thu, ban giám hiệu



East Lake with Fountain of Freedom in front of Woodrow Wilson School

thường đã vinh danh tất cả giáo sư đạt được những giải thưởng học thuật danh giá trong năm, như Nobel Prize trong các ngành khác như Khoa Học, Văn Chương, Vật Lý, Y khoa, Hóa Học, ..., Abel Prize, Fields Medal, hay Neustadt International Prize for

Literature bằng một buổi tiệc cocktail trang trọng. Có năm, buổi tiệc thân

mật toàn trường đã được tổ chức tại Scudder Plaza, nơi chúng tôi vừa dừng chân trước Robertson Hall.

Quang cảnh vừa thi vị vừa lịch lãm trong đêm tự hào ấy vẫn hiện rõ trong tâm trí tôi, như một bản hòa ca đầy cảm xúc dưới bầu trời lấp lánh nhiều ánh sao. Đèn vàng ấm áp trang trí quanh Woodrow Wilson School, tiếng champagne bật nắp giòn giã tựa pháo giao thừa, và những câu chuyện gần gũi truyền cảm hứng từ các vị học giả kiệt xuất. Râm ran bao tiếng cười nói, tiếng nâng ly chúc tụng, và cả những giọt nước mắt xúc động trước niềm vui thành công.

Khi trời chập choạng tối, ánh đèn từ những khung cửa kính của Robertson Hall lan tỏa trên mặt hồ, thắp lên những gợn sáng lấp lánh giữa các quầng bọt nước trắng xóa liên tục nổi, tan quanh bệ tác phẩm điêu khắc, *The Fountain of Freedom*. Những tia nước không ngừng phun cao, mềm mại uốn lượn, tựa như vẽ các đường parabol huyền ảo trong không gian, trước khi nhẹ nhàng tan hòa vào mặt hồ tĩnh yên, như diễn tả vòng luân chuyển vô định của sự trường tồn của thời gian và tri thức.

Trong khoảnh khắc những vị giáo sư được vinh danh trên thềm khoa, bóng họ đổ dài trên những bậc thang, ánh đèn vàng ấm áp bừng chiếu từng gương mặt cương nghị quyết đoán, như khắc ghi giây phút huy hoàng vào truyền thuyết Princeton. Trước muôn ánh mắt ngưỡng mộ, tôi đã linh cảm thấy điều kỳ diệu, dường như những nhà bác học tài hoa của trường đã sẵn sàng chinh phục sự vô tận của vũ trụ kỳ bí. Họ đang vững mạnh tiếp nối kỷ nguyên mà Albert Einstein từng đảo lộn quan điểm của nhân gian về vũ trụ.

Dưới bầu trời đầy sao đêm ấy, Robertson Hall -trụ sở của Woodrow Wilson School hiện lên như một ngôi đền tân cổ điển, trầm mặc và siêu thoát, soi bóng bên East Lake hiền hòa lặng yên. Trước khung cảnh trữ tình đó, tôi đã tự hào suy tư: có lẽ không còn xa nữa, những nhân vật lỗi lạc của thời đại

này sẽ dẫn dắt nhân loại vượt qua mọi giới hạn của cuộc sống hiện tại, mở ra những chân trời mới, đến những tinh cầu xa lạ tốt đẹp hơn, nơi hạnh phúc sẽ vượt ngoài tất cả những gì chúng ta từng biết trên trái đất.

*



Thư Viện Firestone trên Khuôn Viên Princeton University

Princeton University không chỉ là một trung tâm học thuật danh tiếng, mà còn sở hữu một kho báu sách vở, tài liệu, tranh vẽ, tượng điêu khắc, và các di vật khảo cổ quý hiếm rất hữu ích cho nhiều công trình nghiên cứu của học giả và sinh viên. Trường có viện bảo tàng mỹ thuật, *The Art Museum*, khá lớn và một hệ thống thư viện phong phú, đa

dạng, nổi bật nhất là thư viện Firestone. Thư viện Firestone là một trong những thư viện đại học tàng trữ số lượng sách và tài liệu khảo cứu đồ sộ bậc nhất thế giới. Lần đầu đặt chân vào Firestone, tôi đã choáng ngợp trước thế giới tri thức kỳ vĩ ngoài mức tưởng tượng. Những kệ sách cao ngất, trải dài bất tận, lưu giữ vô số tư liệu quý giá từ thời cổ đại đến hiện đại, tất cả được bảo quản cẩn thận và sắp xếp vô cùng hệ thống. Thủ tục mượn sách đơn giản, phương tiện sao chép tiện lợi, và cách bố trí nơi đọc sách, xem tài liệu thoải mái ở thư viện đã tạo nên một không gian thân thiện, sẵn sàng để hỗ trợ bất kỳ ai khao khát khám phá kho sách kỳ vĩ này. Và, không chỉ Firestone, Princeton còn có nhiều thư viện chuyên đề mang giá trị học thuật sâu sắc. Từ thư viện về Architecture, East Asian Arts, Humanities, đến International Affairs Relation, mỗi nơi đều là thiên đường cho những ai muốn tìm hiểu về di sản tri thức được lưu truyền qua nhiều thế kỷ. Thêm vào đó,

Mudd Library chuyên lưu trữ và hệ thống hóa nhiều bộ tài liệu lịch sử giá trị (Special Collections, trội nổi nhất là the 20th-century public policy papers) và Lewis Science Library là kho cất giữ các công trình khoa học đặc thù (như Astronomy, Astrophysics, Chemistry, Computer Science, Engineering, Biology, Environmental Sciences...), rất tiện ích cho những bộ môn nghiên cứu khoa học tiên tiến.

Những năm ngày xưa, mỗi khi có việc phải lên thư viện Firestone tìm tài liệu để tham khảo, đôi lần đi giữa rừng sách báo, tài liệu cổ xưa đặc dày trên các kệ sách choán kín những khu vực rộng lớn của cả mấy tầng lầu và kho hầm kiên cố dưới mặt đất, tôi đã tự hỏi không biết có bao nhiêu công trình vĩ đại được hình thành từ những trang sách ở các thư viện trong khuôn viên trường; Nơi mà tri thức không chỉ được lưu giữ, mà còn được hun đúc, phát triển để nuôi dưỡng tâm hồn của bao thế hệ sinh viên ưu tú và nhiều học giả tài hoa.

Điều khiến tôi tiếc nuối nhất trong lần trở về thăm trường là không thể vào xem triển lãm tranh vẽ và chiêm ngưỡng những bức tượng điêu khắc tại *The Art Museum*, nơi từng là chốn bình yên tôi thường tìm đến vào những ngày bị áp lực công việc đè nén nặng nề. Viện bảo tàng đã đóng cửa hơn ba năm để trùng tu, mở rộng, và theo kế hoạch, sẽ chỉ mở cửa trở lại vào cuối năm 2025.



Viện Bảo Tàng trên Khuôn Viên Princeton University

Credit: aranson.com

Tôi đã từng trải qua những ngày ngồi thẩn thờ rất lâu trước màn hình máy tính khi đối diện chuỗi phương trình bị vô nghiệm, những con số tính ra bị chệch khỏi biên độ lý thuyết. Kết quả mô phỏng (simulation) sau nhiều giờ

phút chờ đợi không như mong đợi. Các giải đáp của vấn đề tưởng gần trong tầm tay chợt bỗng thành xa vời. Sự bế tắc đẩy tôi vào trạng thái mệt mỏi, thất vọng, đôi khi tưởng đã cạn sức không thể tiếp tục. Tôi như bị mất bình tĩnh, lòng trĩu nặng nhiều lo âu. Những lúc như vậy, tôi thường rời văn phòng, thả bộ qua khu khuôn viên chính bên kia đường để đến viện bảo tàng. Không gian nghệ thuật tĩnh lặng ở đó như một chốn tạm trú có thể giúp tôi thả lỏng tâm trí, lấy lại sự điềm tĩnh, tinh thần tự tin để giải quyết vấn đề. Nơi phòng tranh, tôi thường đứng thật lâu thưởng thức những khu vườn thanh bình của Claude Monet, để sắc xanh dịu mát của cỏ hoa thấm dần vào tâm trí rồi bời. Tôi nhìn theo những đường cọ mãnh liệt, nhiều xúc cảm của Van Gogh [11], như muốn được cuốn đi, thoát xa mọi áp lực. Có ngày, tôi không vào trong viện, chỉ ngồi ở băng ghế trong *Prospect Garden*, khu vườn nhỏ bên cạnh, lắng nghe tiếng chim hót, nhìn hoa nắng, thở hương thơm trong lành để tinh thần được nhẹ nhõm và cân bằng hơn.

Không phải lúc nào tôi cũng tìm ra lời giải cho công việc làm sau những buổi ghé xem tranh hay thăm vườn như thế, nhưng tôi thường trở về văn phòng với một tâm thế khác, an yên và sáng suốt hơn. Dần dần, *The Art Museum* đã trở thành chốn thân quen, nơi tôi dễ dàng tìm lại sự cân bằng để tiếp tục công việc mỗi khi rơi vào trạng thái tinh thần bị quá căng thẳng. Nhưng cũng phải kể, cũng nhờ phương thức làm việc linh hoạt cởi mở trong khoa, qui luật hành chánh nơi đây không bắt buộc nhân viên phải hiện diện suốt buổi tại văn phòng, các kỹ thuật viên có thể tham dự, ngay trong trường, các lớp học để bổ sung kiến thức hoặc trau luyện kỹ năng hữu dụng cho công việc làm. Thêm vào đó, đa số giáo sư chỉ đạo các dự án chỉ chú trọng đến phương cách triển khai và thành quả công việc của nhân viên, không xét nét theo dõi hay quan tâm đến sự vắng mặt một vài giờ của chúng tôi ở văn phòng. Sự linh hoạt trong qui luật làm việc đã góp phần làm tăng hiệu suất của nhân viên, giúp các dự án được thực thi một cách sáng tạo và hiệu quả hơn.

Trong sinh hoạt thường nhật, ngoài các giờ học trong giảng đường, thư viện, hay công việc thực tập trong các phòng thí nghiệm, khuôn viên Princeton luôn nhộn nhịp với những lễ hội và vô số sự kiện thường niên. Nổi bật hơn tất cả, có lẽ là dịp *Alumni Reunions*, có thể là lễ hội ngộ cựu sinh viên lớn nhất thế giới.



Alumni Reunion

Credit: OIT, Princeton University

Hàng năm, cứ vào cuối mùa Xuân hay vừa đầu mùa Hạ là sắc đỏ cam kiên cường, chói sáng như hào quang mặt trời, màu biểu tượng của Princeton University, lại tung bừng điểm tô khắp sân trường và xao động cả hàng phố của thị trấn Princeton. Trong những ngày

hội truyền thống ấy, mấy chục ngàn cựu sinh viên từ khắp nơi trên thế giới đã háo hức trở về trường đoàn tụ, trong đó gồm cả một ít nhân vật đã tốt nghiệp một, hai thập niên trước khi tôi chào đời. Không quản ngại tuổi tác hay địa vị, họ luôn tự hào khoác lên những bộ trang phục tô vẽ các hình ảnh độc đáo mang dấu ấn riêng của lớp họ năm xưa, nô nức hân hoan đi lại trên sân trường. Mọi người thân tình chuyện trò, bông đùa, châm biếm, nghịch ngợm, vui cười như được trở lại những năm tháng thanh xuân tươi đẹp mà họ đã từng trải qua ở đây. Dưới ánh sáng rực rỡ của pháo hoa được thả gần như suốt đêm hội, tất cả cựu sinh viên, dù khác biệt tuổi tác, vị thế xã hội, sự nghiệp khoa học, hay sở hữu vật chất, đã luôn nhiệt tình hòa đồng cùng nhau trong các trò chơi hài hước, những bước nhảy tập thể vui nhộn, và cùng hát hò những ca khúc đoàn viên ngập tràn cảm xúc.

Trong khuôn viên Princeton ấm áp như một mái gia đình hạnh phúc, mọi cuộc gặp gỡ hay hội ngộ đều trở thành một phần của ký ức khó quên. Cựu

sinh viên miên man chia sẻ những câu chuyện ngộ nghĩnh thuở hàn vi, những ký ức vui vẻ của ngày trẻ, những vòng tay ôm thân ái, những câu nhắc nhở về các người muôn năm cũ, và không bao giờ thiếu lời hẹn hò tương ngộ vào mùa lễ năm sau. Họ luôn ghi nhớ ngày hội để trở về, không chỉ để gặp bạn, thăm trường, sống lại kỷ niệm, mà quan trọng hơn, để cùng tri ân ngôi trường đã đào tạo họ, góp phần giúp đỡ những thế hệ tiếp nối phát triển, và tích cực đẩy mạnh các dự án mở mang trường.

Và cứ thế, thời gian trôi, nhưng tinh thần Princeton vẫn vẹn nguyên trong họ. Mỗi thế hệ sinh viên lại tiếp nối truyền thống, tạo dựng những câu chuyện mới, để rồi đến một ngày, họ cũng sẽ quay về tìm lại sắc đỏ cam rực rỡ của mùa hội ngộ, mang trong lòng những hồi ức rạng ngời và niềm tự hào không phai nhạt.

Những câu lạc bộ ẩm thực lâu đời của Princeton là nơi lưu giữ nhiều kỷ niệm của sinh viên. Các hội quán ẩm cúng này không đơn thuần là nơi dùng bữa, mà còn là chốn vun đắp tình bạn tri kỷ, nơi các sinh viên cùng nhau chia sẻ nhiều sinh hoạt giải trí, thực tập, thể thao ngoài giờ đến lớp học. *The Triangle Club*, nơi khởi đầu của một số diễn viên hài và nghệ sĩ tài năng của Hoa Kỳ; *The Princeton University Band* với những màn trình diễn mang phong cách nghệ thuật khác nhau, đầy ngẫu hứng. Tất cả đã góp phần tạo nên một bản sắc riêng, một Princeton không chỉ thanh lịch trong những công trình kiến trúc, uyên bác về học thuật, mà còn muôn thuở là nơi yên bình, thân ái trong tâm tưởng của những người đã từng dừng bước nơi đây.

Những năm tháng xa trường, hình ảnh khuôn viên Princeton vẫn thường bất chợt ùa về trong tâm trí tôi như một thước phim chậm tái hiện từng địa điểm quen thuộc, từ khu văn phòng tĩnh lặng, góc thư giãn thân thiện trong khoa, cảnh tượng giảng đường sôi động ngày hội thảo, đến những sân gạch luôn vang tiếng chim gọi nắng sớm. Những lễ hội quan trọng cũng hiện về thật rõ nét: ngày ra trường tưng bừng kèn trống trên sân *Cannon Green*, những

cuộc hội ngộ đầy hoài niệm tại phòng triển lãm trong *Alexander Hall*... Mỗi không gian, mỗi sự kiện đều mang sắc thái sống động riêng, kết tinh những trải nghiệm khó quên, góp phần tạo nên bức tranh đa dạng của sinh hoạt đại học.

*

Không chỉ là nơi gắn liền với bao kỷ niệm của từng thế hệ sinh viên, khuôn viên Princeton còn thay đổi kỳ diệu theo mùa, ôm ấp ký ức của những mối tình đầu trong sáng cùng bao xúc cảm đại khờ tuổi trẻ. Từ mùa thu lãng mạn lá rơi, sang mùa đông băng giá tuyết phủ, rồi mùa xuân xanh biếc chồi lộc, đến mùa hạ thơm nồng hương nắng, mỗi thời điểm đều mang vẻ đẹp riêng, đem lại luồng sinh khí mới, nuôi dưỡng tinh thần, khơi gợi tư duy, rèn luyện khả năng thích nghi, và bồi đắp sự sáng tạo trong bao thế hệ sinh viên trẻ. Chu kỳ tuần hoàn bất tận của đất trời không chỉ tô điểm thêm sự phong phú cho cảnh sắc Princeton, mà còn trở thành một phần không thể thiếu trong những hoài niệm đẹp đẽ của tôi.

Mùa Thu và những khởi đầu

Hàng năm, khi lá ngoài phố chuyển sang sắc vàng rực rỡ dưới những tán cây cổ thụ, khi bầu trời xanh đến nao lòng, những dải mây lụa là lướt bay lượn, và gió không hờ hững xa cách mà mịn mát mơn man từng vệt xước của thời gian trên những pho tượng bạc màu già nua, thì cũng là lúc mùa thu êm ái trở về Princeton. Nhạc thánh ca vang vọng qua những mái vòm ký túc xá, lay động mấy chiếc lá khô lác đác trên những băng đá trong các sân courtyard, báo hiệu mùa nhập học mới.



Lối đi ngập lá vàng trước Nassau Hall, Princeton University

Credit: Istockphoto

Mùa thu cuối cùng của thập niên 1990 cũng là mùa đầu tiên tôi đặt chân vào khuôn viên trường, khởi đầu cho mười sáu năm làm việc đầy ý nghĩa trong một giai đoạn mưu sinh tất bật của cuộc đời. Tôi đã ngỡ ngàng và xúc động trước vẻ đẹp bình dị, tao nhã, và thanh tịnh nơi đây.

Những sáng mùa thu đầu tiên đi làm, trên lối đi bộ từ nhà đậu xe đến văn phòng khoa, tôi thường bị mê hoặc bởi lớp sương mỏng lảng phất mờ pho tượng John Witherspoon màu xanh lam trầm mặc. Pho tượng nổi bật giữa khoảng sân lát gạch đá xám, đỉnh đạc trước tòa nhà East Pyne Hall cổ kính sau bờ tường sắc hoa chuối u hoài. Khung cảnh như một lát cắt của thời gian, nơi pho tượng và tòa nhà cùng lặng yên lưu giữ bao ký ức tinh khôi, nhiều ước nguyện tuổi trẻ giữa sân trường đầy lá vàng rụng từ những cây cổ thụ chuẩn bị khép lại một chu kỳ hiện hữu.

Biết bao cuộc đời, biết bao câu chuyện đã lặng lẽ đi qua nơi đây, như những chiếc lá, khi còn xanh tươi, lúc úa vàng rồi thềm lặng rơi rụng, tan biến vào dòng chảy vô tận của thời gian. Đôi khi, chỉ một khoảnh khắc tương ngộ tình cờ hay thoáng qua cũng có thể vương lại hình bóng, dư âm đâu đó quanh bệ pho tượng ngoài sân hay trên những hành lang thư viện, mấy góc giảng đường của East Pyne Hall, nơi hầu như sinh viên nào cũng từng bước qua trong năm đầu tiên vào ngưỡng cửa đại học.

Hạnh phúc và khổ đau, vinh quang và tủi nhục luôn song hành, tạo nên nhịp thăng trầm của đời sống. Nhưng giữa không gian bác cổ này, có một điều dường như bất biến, mùa thu muôn thuở là mùa nhập học, mùa của hy vọng, của những khởi đầu, nơi mà con đường vươn đến đích điểm cuộc sống luôn được chăm chút và tươi tắn bởi tinh thần tri thức.

Có những buổi sáng trời lất phất mưa nhẹ, không gian se lạnh khiến sắc lam trên pho tượng Witherspoon như dịu lại, xanh hơn, nổi bật bên những mái vòm ẩm hơi nước. Rừng lá vàng thắm vây quanh sân, tạo nên sự tương phản mê hoặc giữa gam màu xanh lam của pho tượng và nền lá hỏa hoàng rực rỡ, cảnh sắc bàng bạc phong cách hội họa của Van Gogh. Người họa sĩ tài hoa ấy cũng từng say mê sự hòa quyện giữa sắc xanh lam và màu vàng thu, điều mà sáng hôm ấy tôi chợt nhận ra. Trong một lá thư gửi người em trai thân thiết, Theo, ông từng viết: "*Khi những chiếc lá bắt đầu rụng, tất cả những tán lá đều chuyển sang màu vàng, nổi bật trên nền trời xanh tuyệt đẹp.*" và "*Màu vàng đáng yêu vô cùng, vì đó là biểu tượng của vàng thái dương.*" [12]

Nhìn sắc vàng mênh mang trải khắp vương sân, thấp thoáng giữa màn sương là pho tượng xanh lam trầm mặc, tôi thoáng nhớ đến sự kết hợp kỳ ảo của hai gam màu này trong những bức tranh đặc sắc của Van Gogh từng được xem như *Starry Night*, *Wheatfield Under Thunderclouds*, *The Sower*, và *Vase with Irises Against a Yellow Background*. Trong tranh ông, ánh vàng rực rỡ ôm trọn hoặc đan xen cùng những mảng xanh sâu lắng, tạo nên một vẻ đẹp vừa hoang dã, vừa u hoài. Giây phút ấy, tôi bỗng ngẩn ngơ nhìn quanh, tưởng như vừa thấy bóng dáng Van Gogh cúi mình phóng cọ, thổi hồn vào cảnh trí thu thần thoại nơi đây.

Rồi mùa thu càng ngày càng buồn bã hơn. Lá rụng mỗi lúc một nhiều. Đi qua courtyard tôi luôn nghe lá rơi nhẹ nhàng trên nền gạch và bước chân mình xạc xào nhịp thu cô liêu. Đôi lúc, tôi còn bồi hồi nhớ da diết mùa lá tràm

rụng ngập sân trường trung học thuở nhỏ. Tiếng lá rơi luôn lay thức bao kỷ niệm tưởng đã ngủ yên trong tâm trí. Buổi trưa vào giờ nghỉ, dưới những tán cây đã thưa lá hay trên chiếc băng ghế cũ kỹ quanh courtyard của Robertson Hall, nếu không bận suy tưởng về công việc, tôi thường ngồi đọc sách một mình tại góc khuất của Scudder Plaza, tận hưởng cái lạnh se sắt dễ chịu, an yên trong ý nghĩ khu vườn cuối thu này chỉ còn lại mình tôi và những trang chữ, giữa thềm nắng lá rơi đầy.

Và tôi cũng đã từng cảm nhận:

... *mùa đang rớt rơi theo lá vàng...* (*Buồn Tàn Thu – Văn Cao*).

Rồi thu cũng tàn, ngày ngắn lại hẳn. Đất trời chuyển mùa, những cơn gió gầm gào se lạnh đưa vạt vật trên sân trường vào giấc ngủ đông.

Mùa đông và tiếng vọng ký ức

Mùa đông Princeton không rực rỡ như mùa xuân, không náo nức như mùa hè, cũng chẳng nồng nàn như mùa thu. Mùa đông ở đây chỉ lạnh lẽ lạnh giá. Nhưng cái lạnh ấy lại mang một sức mạnh âm thầm kết nối mọi người với nhau.

Bầu trời mùa đông thường nhợt nhạt sắc xanh tái, như thể bao hơi lạnh đã tụ đọng trong những mảng mây chì xám đặc, nặng nề trùm lên vạt vật một lớp sương ẩm ướt. Cây cối trơ trụi, cỏ úa nâu, mây mù giăng kín khuôn viên, không gian trường như trôi giạt vào một miền ký ức xa xăm. Những ngày tuyết bay mờ mịt, hiếm ai bước một mình trên các lối đi trắng xóa. Sau giờ học, người ta tìm nhau, tay đan tay, níu giữ chút hơi ấm giữa cái tê buốt của gió đông. Có người khe khẽ thì thầm những câu chuyện vu vơ, có kẻ lặng yên đếm dấu chân mình trên tuyết, tự hỏi: mùa đông có đổi thay được những xúc cảm âm ỉ níu kéo trong lòng?

Giữa những ngày gió lạnh lê thê, cà phê trở thành chất liệu không thể thiếu của sinh hoạt cuộc sống nơi đây. Các góc giải lao trong khoa, hay quán nước nhỏ dưới tầng hầm các câu lạc bộ sinh viên, luôn tấp nập người ra, kẻ vào. Họ tìm đến không chỉ để nhâm nhi một tách cà phê nóng, mà còn để trò chuyện, sẻ chia, nhen nhóm chút hơi ấm giữa những ngày dài u tịch lạnh lẽo. Hương cà phê nồng nàn lan tỏa như lời chào thân thiện mỗi khi ai đó đẩy cửa bước vào từ không gian giá buốt bên ngoài. Dọc hành lang hay những góc khuất ngoài sảnh, mùi cà phê đậm quánh luôn vương vất đâu đó, lảng lảng làm dịu bớt nỗi tê lạnh của mùa đông.



Cây cối trơ trụi, sân gạch lấm tấm tuyết trên Princeton campus Hình: Internet

Nhiều buổi chiều muộn rời giảng đường, tôi bước qua khoảng sân gần Shapiro Walk vắng lặng, hai pho tượng đứng trơ lặng giữa courtyard không còn bóng người qua lại. Tuyết phủ trắng xóa các lối đi, bám dày trên những hàng cây khẳng khiu nhìn như những cánh tay gầy guộc vươn lên chống đỡ gió

lạnh. Các tòa nhà cổ kính chìm khuất trong màn sương mờ đặc, như thể bị đẩy lùi vào một miền xa. Cảnh vật trước mắt gợi nhớ về một thế giới cổ tích tĩnh lặng, nơi thời gian dường như đã ngưng đọng từ lâu. Thi thoảng, mặt hồ East Lake nhẹ phả lên một làn hơi mỏng manh, tựa như nhịp thở chậm rãi và lặng lẽ của thiên nhiên đang say ngủ giữa giá băng.

Trên lối dẫn lên thư viện hay đường về câu lạc bộ sinh viên, vẫn thấp thoáng bóng vài nhóm bạn, đôi ba cặp tình nhân rảo bước. Họ vội vã trao đổi bài vở, rủ rừ những lời thương yêu, cùng nhau tìm về những chốn quen thuộc, nơi có hơi ấm tình bạn và tiếng cười luôn vang giữa đêm đông tĩnh mịch.

Mùa đông phủ tuyết trắng như ru vụn vạt vào một giấc ngủ dài. Cái lạnh khiến thời gian trôi chậm lại, bóng đêm loang lổ, và tâm hồn con người dễ chìm vào những nỗi nhớ thắm kín. Trong quán cà phê, những người trẻ ngồi sát bên nhau, luồn tay vào túi áo bạn để tìm chút hơi ấm, nâng tách cà phê nóng, kể cho nhau nghe những câu chuyện mùa đông để vơi bớt nỗi nhớ nhà. Có lẽ, chỉ khi trải qua những ngày lạnh nhất, ta mới thấm thía một ánh mắt thân quen hay một câu nói dí dỏm cũng đủ xua tan trạng thái trống vắng, quạnh hiu.

Khi quán đóng cửa, họ thân mật dìu nhau bước qua những con đường tuyết ẩm, cảm nhận sự đồng hành ấm áp. Trong cái cơ hàn của gió đông, bước chân họ như vững vàng hơn, nỗi cô đơn được khóa lấp, và những lời tâm sự luôn được đón nhận, lắng nghe. Đêm đông vẫn giá buốt, nhưng giữa những bước chân bên nhau, hơi ấm của đồng cảm và thấu hiểu đã len lỏi, hòa quyện cùng nhịp đập chậm buồn của mùa đông.

Mỗi buổi sáng đến Princeton, sau khi đậu xe, tôi chậm rãi bước qua lớp băng mỏng đông cứng trên khung cửa dẫn vào lối đường tắt đến Scudder Plaza. Chạm tay lên cánh cửa cóng lạnh, cảm giác như có một luồng điện giá buốt chạy dọc đầu ngón, như nhắc tôi mình vẫn đang hiện hữu, tắt bật mưu sinh, dù tâm trí nhiều khi đã phiêu du về một chốn xa mơ hồ. Tôi bước vội dưới hàng mộc lan trơ trụi khẳng khiu, hướng về bậc thềm lên cửa chính của Robertson Hall, ngang qua mặt hồ East Lake còn yên ắng trong màn sương sớm. Nắng đông mỏng manh trải lên mặt hồ một màn sáng nhạt, như một trang ảnh mờ những mảnh ký ức cũ. Đâu đó, tiếng chim lạc loài chao cánh, soi bóng xuống mặt nước tĩnh lặng. Có lẽ, con người cũng như cánh chim kia, suốt đời mãi miết bay tìm về miền ký ức, nơi vương vất bóng hình của một thời đã qua. Sao ta cứ mãi đi tìm chính mình trong những phản chiếu mờ ảo của quá khứ, trong ánh mắt của một người từng thương mến,

trong một nơi đã hóa "chốn xưa," và ảo tưởng như vẫn có ai đó mỗi mòn chờ ta quay về?

Hồi chuông từ nhà nguyện Chapel đều đặn vang lên lúc bảy giờ sáng, ngân nga giữa sương sớm, khởi động nhịp sống thường nhật. Âm thanh ấy không chỉ đánh thức cả khuôn viên trường, mà còn như gửi lời nhắc dù cuộc đời có những mùa đông khắc nghiệt, chỉ cần giữ lòng an tĩnh, mở rộng vòng tay, và sống với trái tim nhân hậu, ta luôn có thể vượt qua mọi gian khó. Tiếng chuông thanh thoát ngân cao, lan xa rồi tan vào những phiến sương bàng lảng khắp không gian trường. Khi bước đi trong giá lạnh, ta mới hiểu giá trị của hơi ấm. Khi trải qua cô đơn, ta học cách gìn giữ tình thân. Nhờ vượt qua những ngày đông nghiệt ngã đầu tiên, mà bao thế kỷ trước, những người hành hương trên con tàu Mayflower [13], và cả con cháu họ sau này, mới thấu hiểu ân huệ trời đất, quý trọng nghĩa tình và thấm sâu chân lý: khi biết nương tựa và đùm bọc nhau, con người có thể tồn tại và phát triển. Nơi đây vẫn hiện hữu những điều kỳ diệu của sự sống, nơi lòng người mở ra để đón nhận, nơi dị biệt được san lấp, nơi yêu thương được vun đắp, nơi những đóng góp chân thực tiếp nối những dấu chân vàng của bao nhà khoa học tài hoa đã từng góp phần làm thay đổi nhân loại.

Mùa Xuân tuôn trào ý chí vươn dậy

Hơi lạnh tan loãng dần. Không gian thôi se sắt. Mùa đông âm thầm rút lui như người khách lẳng lặng rời ga cuối của cuộc hành trình. Tiếng chuông nhà thờ hòa vang trong gió, lan tỏa giữa bầu trời rộng mở. Mây trắng mềm mại như những dải lụa lững lờ trôi trên nền trời xanh biếc. Ánh nắng đầu ngày bỗng rực vàng, dịu dàng trải sáng những lối gạch trong khuôn viên trường. Ngay thời khắc ấy, sân trường êm ái bước vào mùa xuân.

Trời trong mây bạc. Cỏ hoa xanh mướt trở lại, cảnh sắc bừng lên một vẻ khoáng đạt, trong trẻo diệu kỳ. Trên những cành khô tưởng đã cạn kiệt sinh

lực, chồi non mơn mớn vươn lên, căng tràn nhựa sống. Những vòm mộc lan thơm ngát phủ hồng khắp Scudder Plaza, từng hàng anh đào nổi nhau nở rộ dọc theo mọi lối đi quanh khuôn viên Princeton. Cảnh vật như bước vào một vũ khúc rực rỡ, tràn ngập sắc màu hạnh phúc, đặt diu chuyển mình, phô diễn vẻ thanh tân, tươi mới, ngoạn mục của cỏ cây đơm hoa, trở lá, bay múa rộn ràng khắp chốn.

Tôi vẫn nhớ cảm giác bồi hồi xao xuyến khi bắt gặp những cánh hoa đầu tiên thấp thoáng sau chuỗi ngày đông ảm đạm. Như thể cả khuôn viên trường và những con phố bên ngoài đều đang hòa chung nhịp điệu hân hoan của một khởi đầu mới, bắt đầu bằng sự tuôn trào của ý chí vươn dậy, của sự sống hồi sinh mãnh liệt trong niềm vui và hy vọng.



Mùa Xuân thấp thoáng sau mái vòm thiên cổ, Princeton University

Thiền sư Thích Nhất Hạnh, trong những năm 1961, 1962 khi nghiên cứu về Thần học, Tôn Giáo ở Princeton đã xúc động trước vẻ tươi bừng rộn rã của mùa xuân đến với khuôn viên trường và hành trạng của Thầy đã được các học trò thuật lại trong tác phẩm *"Đi Tìm Mùa Xuân"* như sau: "Chính tại Princeton, lần đầu tiên trong đời Thầy thấy được cảnh tượng đất trời chuyển mình rõ ràng như vậy, từ mùa thu sang mùa đông, từ mùa đông sang mùa xuân. Và Thầy đã hiểu được các từ *"Mùa rơi"* (*Fall*) hay *"Mùa tuôn dậy"* (*Spring*) được dùng trong tiếng Anh." [14]

Chưa bao giờ Thầy được thấy cảnh tượng đất trời chuyển mình thay áo kỳ diệu như mùa thu và mùa xuân đầu tiên ấy trên khuôn viên trường:

“Mùa rơi với triệu chiếc lá chín đủ màu rơi trên đầu, trên cổ, trên áo, trên khắp mặt đất. Thầy đã thấy tuyết rơi trắng xóa giữa đất trời... ” Rồi:

“Từ những cành cây mộc lan đen đũi trụi lá nhựa sống tuôn lên, bỗng nhiên cả trăm rồi cả ngàn cánh hoa đằm chồi nở rộ trước cả những chồi lá đầu tiên. Mặt đất bỗng nhiên được lót bởi những thảm cỏ xanh non, cây cối xung quanh được bao phủ bởi một màu xanh mơn mớn mà Thầy chưa bao giờ thấy. Rồi hàng vạn bông hoa đại muôn màu trời lên khắp nơi từ lòng đất. Thầy hiểu được vì sao mùa xuân trong tiếng Anh là spring. Spring có nghĩa là tuôn dậy và cũng có nghĩa là dòng suối. Chồi non tuôn dậy giữa đất trời như một dòng suối tuôn từ các khe đá. Mùa xuân là mùa tuôn dậy. Cảnh tượng xung quanh làm Thầy nhớ đến hai câu thơ của vua Trần Nhân Tông:

*Một tiếng sấm Xuân vừa chấn động
Khắp nơi cây cối nảy mầm non.*

Trong bài Trường ca Avril mà Thầy có cảm hứng sáng tác vào mùa xuân sau này cũng có câu: Tôi về khi vũ trụ đang chuyển mình trong mùa tuôn dậy...

... Với sự thực tập hơi thở chánh niệm, Thầy thực sự có cái thấy sâu sắc với sự sống mầu nhiệm trong giây phút hiện tại. Những chứng nghiệm tâm linh trong các buổi thiền quán và sau những buổi thiền hành suốt giai đoạn sống ở Princeton đã được Thầy kể lại chi tiết trong tác phẩm **Nẻo Về của Ý.** [15]

Thì ra, trong gần hai năm lưu trú tại ký túc xá của *Theological School*, thiền sư, khi ấy còn là một nhà tu trẻ, đã nhiều lần đơn độc thiền hành trong khuôn viên Princeton, chuyên tâm thực hành chánh niệm. Sau này, khi đã trở thành một học giả và nhà lãnh đạo tinh thần có tầm ảnh hưởng thế giới, thiền sư đã lan tỏa tinh thần sống tỉnh thức vào đời sống thường ngày: tỉnh thức từ mỗi bước chân, mỗi bữa ăn, đến từng khoảnh khắc hiện tại, như một cách để tự chuyển hóa khổ đau, nuôi dưỡng bình an và tình yêu cuộc sống.

Từ những buổi thiền hành đơn độc nơi đây, ông đã nhận ra hạnh phúc và an yên không ở đâu xa, mà bắt đầu từ giây phút đang sống.

Thiền sư cũng từng dạy: cái chết không phải là sự mất đi, mà là sự tiếp nối của sự sống. Trong các bài pháp thoại và trước tác của mình, ông luôn nhấn mạnh một bí quyết giản dị mà sâu xa để có hạnh phúc: sống trọn vẹn trong thực tại, với tình thương, lòng biết ơn và sự trân quý đối với những gì đang hiện hữu quanh ta.



Brown Hall, nơi Thiền sư Thích Nhất Hạnh từng lưu trú

Tôi ngồi lặng trên băng đá trong courtyard của Brown Hall, nơi có lẽ ông từng nhiều lần dừng chân chìm sâu trong suy tưởng. Nhớ ông vừa viên tịch đầu năm 2022, tôi không khỏi xúc động. Có thể chính tại nơi này, hơn nhiều thập kỷ trước, ông từng trở về một nền Phật giáo Việt

Nam mới, suy tư về quê hương chìm đắm trong chiến tranh, và khẩn thiết kêu gọi hòa bình cho đất nước cũng như cho các bên tham chiến.

Dù chưa từng gặp ông ngoài đời, và ý thức cái chết không phải là điểm chấm hết, như ông từng dạy, tôi vẫn không tránh khỏi cảm giác hụt hẫng, như thể bị đẩy vào một khoảng không lớn, khi nghĩ ông không còn hiện diện nơi cõi tạm này. Tôi cảm nhận sự mất mát ấy rất sâu sắc. Nhiều nơi trên thế giới đã tôn vinh ông như một trong những bậc thầy lớn của đạo Phật trong hơn hai ngàn năm qua, người đã khơi mở những nguyên lý sống thiết yếu mà Đức Phật để lại, và hướng dẫn con người hiện đại tìm lại con đường tỉnh thức giữa bao biến động xã hội, mà vẫn giữ vững phẩm chất và đạo hạnh của người tu tập.

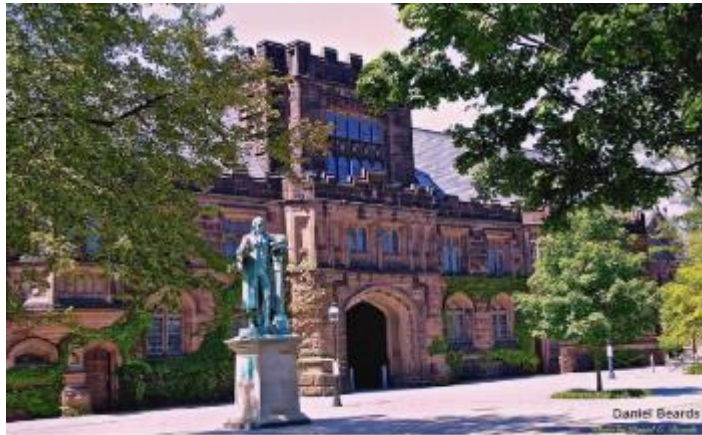
Giữa dòng đời cuộn xoáy, đầy biến động và bất trắc, làm sao ta có thể sống một cách thanh thoi, tự tại? Mỗi người đều mang trong mình một cõi riêng, như những nỗi niềm sâu kín, những vết thương chưa lành, hay những giấc mơ còn dang dở. Dù bị cuốn theo dòng xoáy của đời hay vấp ngã giữa bao va đập, vẫn luôn có một nỗi day dứt âm thầm níu kéo: "Cõi về" của mình là đâu? Là nơi an yên, tĩnh tại hay là một miền khổ lụy mà ta không thể tránh? Nếu có thể lựa chọn, làm sao biết được con đường nào là đúng, lối rẽ nào sẽ dẫn đến an lạc? Có lẽ, trong vô vàn điều không thể nắm bắt, thứ quý giá nhất vẫn là những khoảnh khắc tĩnh tâm ngắn ngủi, nhẹ như hơi thở, mỏng như khói sương, nhưng sâu lắng như một lời cầu nguyện ở tận cùng tâm thức.

Hoa vàng và mùa hạ tĩnh lặng

Rồi mùa xuân cũng dần lùi bước, để lại đằng sau những cánh hoa nhạt phai rơi nhẹ như còn tiếc nuối, nhường chỗ cho mùa hè rực rỡ bước đến, mùa của ánh sáng chan hòa, của những ngày dài ngập nắng và những câu chuyện vui nhộn dưới các tán cây xanh thắm.

Mùa hạ, bầu trời trong vắt, nắng vàng óng ả khiến khuôn viên trường luôn bừng sáng. Nhưng trái ngược với cảnh sắc rực rỡ ấy, đây lại là khoảng thời gian Princeton trở nên tĩnh lặng, bởi phần lớn sinh viên đã rời trường. Họ tham gia các trại hè hoặc công trình thiện nguyện do trường tổ chức, đi thực tập tại các cơ quan chính phủ hay công ty công nghệ nếu được tài trợ, hoặc trở về quê hương. Gần một phần tư sinh viên của trường đến từ các quốc gia khác trên thế giới, và mùa hè thường là dịp duy nhất trong năm họ có thể về thăm gia đình, đồng thời thực tập kiến thức, rèn luyện kỹ năng chuyên môn qua các dự án thực tiễn tại quê nhà.

Vì nhịp sinh hoạt trong trường chậm lại đôi chút vào mùa hè, các nhân viên kỹ thuật cũng được khuyến khích trau dồi chuyên môn bằng cách tham dự



Tượng John Witherspoon trước East Pyne Hall, Princeton University

các hội thảo chuyên đề. Nội dung các lớp dành cho nhóm chúng tôi thường xoay quanh cách viết báo cáo khoa học, nguyên tắc trình bày seminar, phương pháp triển khai hệ thống lập trình, quy tắc thiết kế đồ họa khoa học, và phương cách liên kết số liệu, đồ họa địa lý đa

chiều (Geographic Information System -GIS), và biểu đồ để phân tích không gian. Những đề tài này thường xuyên được giáo sư và chuyên viên mở rộng, dùng thí dụ cụ thể từ các đồ án trong trường, nên những workshops họ hướng dẫn luôn lôi cuốn sự tham dự đông đảo của nhân viên đảm nhiệm việc tính toán.

Nhưng lạ thay, sự vắng vẻ trong khuôn viên lại khiến mùa hạ ở nơi này mang một vẻ đẹp rất riêng, một vẻ đẹp tĩnh tại, và có phần thơ mộng. Những tòa nhà cổ kính vẫn lặng lẽ yên bình dưới màn nắng mật vàng, đường nét kiến trúc thanh lịch khắc họa trên nền trời xanh thẳm như một bức tranh tĩnh vật sống động. Tôi nhớ da diết những buổi chiều ngồi bên hiên thư viện, lặng nghe tiếng gió lướt qua, nhìn nắng đọng lại trên từng vòm cong mái cửa sổ, lòng miên man nghĩ về những mùa hè đã qua.

Và cũng phải kể về sự xúc động khi gặp lại sắc vàng rực rỡ của cây muồng hoàng yến nhiều tuổi trên con đường nhỏ Williams dẫn vào bãi đậu xe phía sau Scudder Plaza, cây hoàng yến duy nhất trong khuôn viên mở rộng của trường. Mùa hạ đầu tiên, khi bất ngờ nhìn thấy rừng dây hoa bông rủ như

những chùm đèn lung linh sắc vàng chanh quen thuộc, tôi đã sống sờ vì không ngờ có thể gặp lại cây hoa đẹp dịu dàng ấy giữa vùng Bắc Mỹ lạnh giá. Tôi đã như được trở về con đường tuổi thơ nơi quê nhà, được bước dưới tán hoa vàng nồng nàn hương nắng, hương mưa đầu hạ ngày xưa. Trong khoảnh khắc ngắn ngủi, tôi cảm thấy như được sống lại tuổi học trò hồn nhiên, sau bao ngày chênh vênh giữa cuộc sống tha hương.

Màu vàng của hoa, của nắng hè, với tôi, cũng là biểu tượng của trí tuệ và ánh sáng tâm linh. Trong văn hóa Phật giáo, hoa hoàng yến còn mang ý nghĩa yêu thương, đoàn kết, và hơn hết là tinh thần hòa hợp, một vẻ đẹp ẩn sâu, dịu dàng mà bền vững.



Hoa Hoàng Yến (Cassia fistula)

Ảnh: Internet

Tôi không biết có bao nhiêu người đã dừng lại dưới tán hoa ấy, băng khuâng ngẩn ngơ ngắm những chùm vàng hương sắc lung linh trong nắng, nghĩ về cuộc sống tha hương hiện tại mà ghen lòng quay quắt bao nỗi nhớ. Có ai từng lần theo những cánh hoa tàn tan tác trong gió để tìm lại những mảnh ký ức dịu êm của tuổi thơ nơi quê hương nghìn trùng xa ngái? Và mùa hạ ở Princeton, từ đó với tôi, không còn chỉ là một khoảng thời gian, mà là một chốn tĩnh tại, sâu lắng, để đôi khi có thể tìm về khóa lấp bớt hiện thực bi hoài.

*

Nhưng Princeton không chỉ bao gồm những lễ hội ý nghĩa, những thời khắc chuyển mùa kỳ diệu của xuân, hạ, thu, đông, những khu vườn tưởng niệm u hoài, những kỹ năng công nghệ vượt trội, những chủ đề tranh luận đi trước

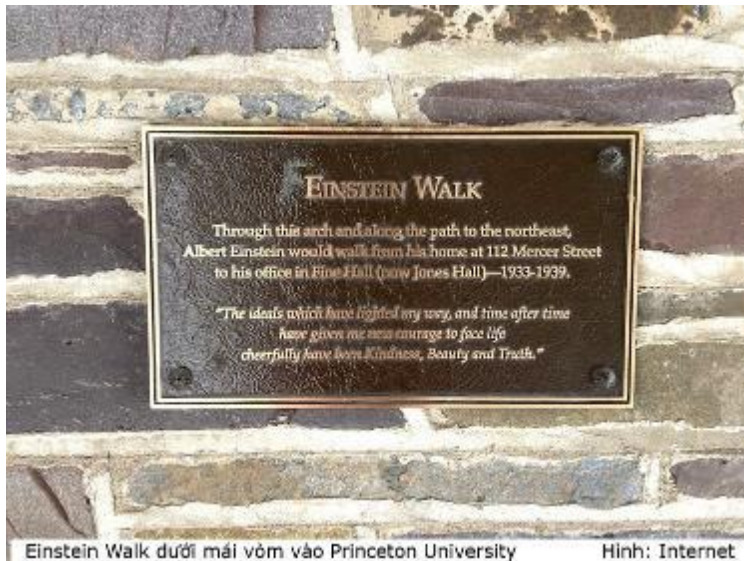
thời đại, những thành quả khoa học kiệt xuất. Đằng sau vẻ đẹp cổ kính, nét trang trọng, phong cách lịch lãm, và khuôn viên thanh bình ấy, nơi từng viên gạch, từng hàng cây đẫm màu thời gian, còn có những câu chuyện mang sắc thái kỳ lạ, mơ hồ, đôi khi rợn ngợp như đến từ những giấc mơ không rõ thật giả.

Vào ban đêm, có những lối đi trong trường bỗng trở nên hun hút lạ thường, như kéo dài mãi không có điểm tận cùng, thăm thẳm dưới những mái vòm phủ đầy rêu. Gió rền rĩ len lỏi qua các ô cửa nhỏ, lướt qua các courtyard úa màu thời gian. Ánh đèn nơi hành lang vài giảng đường trăm năm tuổi lúc mờ lúc tỏ, chớp nháy như tín hiệu lạ từ cõi giới xa xăm.

Vào những chiều đông muộn, khi một mình leo lên tầng cao vắng lặng của nhà xe số 3 nằm khuất trên góc đường Prospect Avenue để đến chỗ đậu xe, có lần tôi thấy một làn khói thuốc mỏng manh, của ai đó vô hình, lảng vảng bên cạnh như thể đang âm thầm bước đi cùng mình. Những lúc như thế, tôi bỗng rùng mình, như chạm phải một lớp ký ức sâu thẳm nào đó, bị thời gian phủ vùi dưới những góc trường thưa vắng bóng người.

Ở đây, không thiếu những giai thoại kỳ bí, những câu chuyện ma mị pha lẫn hư thực. Nhân viên làm việc lâu năm ai cũng từng nghe kể về bóng người thoắt ẩn thoắt hiện trong các khu sinh hoạt chung ở ký túc xá, hay những âm thanh lạ vang vọng nơi hành lang trống trải lúc quá nửa đêm.

Có người còn quả quyết họ đã thấy thấp thoáng bóng dáng của nhà vật lý thiên tài Albert Einstein hay nhà văn F. Scott Fitzgerald, hai linh hồn được cho là vẫn chưa muốn rời xa mái trường này. Họ quanh quẩn trong các giảng đường, thoắt hiện dưới mái vòm phủ rêu như những ký ức sống dậy, lướt nhanh rồi biến mất, như thể chưa bao giờ thực sự đi xa.



Và cả những chuyện nghe qua tưởng như lẫn thẩn, kỳ quặc, nhưng vẫn âm thầm lan truyền qua các lời rỉ tai. Như chuyện về một ông cụ tóc bạc phơ, trông rất giống nhà vật lý học phát minh thuyết tương đối, thường xuất hiện trên lối đường gạch mang tên Einstein

Walk trên lối vào khuôn viên trường. Người ta kể ông chơi đùa và dạy toán cho mấy đứa trẻ tiểu học, dùng những cách giải tắt rất tài tình, rồi vui vẻ nhận kẹo đủ màu làm phần thưởng.

Có cả những câu chuyện gai góc hơn về khu hầm ngầm bí mật dưới tòa nhà Nassau Hall, nơi từng diễn ra một trận đánh đầu tiên trong cuộc chiến giành độc lập của Hoa Kỳ [14]. Chuyện về chiếc đồng hồ điểm chuông vào những thời khắc lạ lùng, hay về những biểu tượng bí ẩn khắc trên tường, luôn khiến tôi không khỏi tò mò. Những câu chuyện ấy, dù là sự thật hay chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng phong phú, vẫn góp phần tạo nên một nét thú vị rất riêng, rất đặc biệt của ngôi trường này.

Một câu chuyện truyền kỳ đầy tự hào mà sinh viên Princeton luôn hào hứng kể lại là lá cờ mang hai màu đỏ cam và đen, biểu tượng của trường, đã từng được một cựu sinh viên đặt trên mặt trăng trong chuyến du hành lịch sử vào vũ trụ năm 1969.

Người tạo nên dấu ấn ấy là Charles Conrad, sinh viên tốt nghiệp ngành kỹ thuật hàng không (aeronautical engineering) năm 1953. Ông không chỉ theo đuổi giấc mơ chinh phục không gian mà còn trở thành một trong chín phi hành gia tiên phong của Hoa Kỳ trong dự án Gemini. Định mệnh đưa ông

tham gia các sứ mệnh Apollo trong thập niên 1960, đến năm 1969, ông là phi hành gia trưởng của Apollo 12 và trở thành người thứ ba trong lịch sử đặt chân lên mặt trăng.

Mang theo niềm tự hào dành cho alma mater [16], Conrad đã đem năm lá cờ của trường Đại học Princeton lên vũ trụ. Khi bước xuống bề mặt của mặt trăng, ông cắm lá cờ Hoa Kỳ, nhưng không chỉ vậy, ông còn để lại một lá cờ nhỏ hơn mang biểu tượng trường Princeton, như một dấu ấn riêng biệt trên lớp bụi không gian.

Sau hành trình lịch sử ấy, một trong những lá cờ Princeton mà Conrad mang lên vũ trụ đã được ông ký tặng cho trường [17]. Ngày nay, lá cờ được trưng bày trong nhà kho lưu niệm của Princeton, như một kỷ vật thể hiện khát vọng vươn xa, không chỉ của một người, mà của cả một cộng đồng luôn miệt mài suy nghĩ để hiện thực hóa những giấc mơ lớn.

*

Mỗi lần nhớ về Princeton sau khi đã rời xa, lòng tôi lại dậy lên một nỗi hoài niệm dịu êm, như một quyển sách yêu dấu đã khép lại, nhưng từng trang vẫn in đậm trong ký ức, mãi mãi không nhòa.



Tác giả trong Courtyard trên Khuôn Viên Princeton University

Tuy nhiên, trong lần trở về thăm trường lần này, tôi cảm thấy tiếc nuối vì không thể gặp lại Adela—cô học trò từng cùng tôi tham gia một dự án với giáo sư A.D., cũng là người hướng dẫn luận văn tốt nghiệp của cô. Tôi quen biết Adela khoảng

ba năm trước khi rời trường. Khi ấy, cô đang theo học chương trình Thạc sĩ Khoa học ngành Kinh Tế và cần phân tích một số bộ dữ liệu mà tôi từng sử dụng trong các dự án, để viết hai báo cáo khoa học tích lũy tín chỉ tốt nghiệp.

Chúng tôi đã có nhiều dịp làm việc chuyên sâu và dần trở nên thân thiết. Adela là người nhập cư đến từ Argentina, hiện đang học năm cuối chương trình Tiến sĩ tại Washington State University, bên bờ Tây Hoa Kỳ. Cô và tôi từng nhiều lần chia sẻ với nhau về thân phận lưu lạc và nỗi nhớ quê hương. Không gặp được cô lần này khiến tôi day dứt mãi. Trong những năm tháng rời xa Princeton, tôi đã từng rất nhớ Adela. Tôi luôn thầm mong một ngày nào đó, sau khi tốt nghiệp, cô sẽ chọn giảng dạy tại một trường đại học.

Khi đến khu Graduate Student Quadrangle, tôi đứng lặng nhìn vào góc từng là chỗ riêng của Adela. Một cảm giác khó tả dâng lên khiến tôi không nỡ rời đi. Tôi ngồi xuống, bồi hồi viết cho cô vài dòng chân tình:

Dear Adela,

There are places one might pass through only once and leave behind without a second thought. Then, there are those rare places that stay with us, woven into the fabric of our hearts, no matter how far we go or how many years pass. For me, Princeton is such a place.

Sixteen years there gave me more than just a workplace, it gifted me a home for my thoughts, a sanctuary for my soul, and a vivid world of learning and kindness intertwined. Each day was a privilege, stepping into those hallowed grounds where ancient trees stood as guardians, moss-draped rooftops whispered stories, and students' lively footsteps infused the air with promise and aspiration. These memories are not just vivid—they are alive, as if they happened only yesterday.

Now, as my journey leads me elsewhere, I find myself carrying a quiet, yet profound wish: to someday return. To sit once more in a familiar corner of the library, enveloped by its tranquil embrace; to hear the gentle echo of chapel chimes; and to see the bright faces of new students ready to shape their own inspiring paths, just as you did.

More than anything, I hope Princeton continues to be a beacon—not only nurturing brilliant minds but also cultivating compassionate hearts. May it forever send forth individuals carrying the radiance of knowledge and the warmth of empathy, ready to make a difference in the world.

If you ever return to Princeton, walk those old paths slowly. Perhaps, in the whisper of the wind, you'll catch the gratitude and affection I'm sharing with you today.

Affectionately,

Thư

Cẩn thận xếp tờ thư cùng tấm post card có hình East Lake trước Robertson Hall, tôi bỏ phong bì vào thùng thư chuyển đi tại góc hành lang của khoa. . Tiếng nắp hộp khẽ vang lên, khép lại nỗi niềm chưa kịp thốt thành lời. Thôi chào Princeton nhé! Tôi đi về bãi đậu xe, nao nao nhớ những câu thơ dạt dào cảm xúc của thiền sư Thích Nhất Hạnh đã viết cho trường Princeton từ rất lâu:

Vàng rụng Princeton

Mùa lá đổ

Xanh ngắt trời thu buổi sáng

Nao nao sương khói nhớ thương về

...

Đưa tay nghiêng mắt chào em thăm hẹn

Nhớ mùa thu sau trở lại

Xin dâng hoa lá

Xin dâng trời xanh mây trắng cho người

Một sáng ta về nhớ cố nhân

Lá cản chân ta xào xạc

(trích từ "Princeton", Thích Nhất Hạnh)

Vũ Thị Ngọc Thư

(mùa Xuân 2025)

Chú Thích

[1] Einstein là Albert Einstein (March 14, 1879 – April 18, 1955), nhà Vật Lý Học tài hoa [Albert Einstein | Biography, Education, Discoveries, & Facts | Britannica](#)

Oppenheimer là J. Robert Oppenheimer (April 22, 1904 – February 18, 1967), nhà Vật Lý Học chỉ đạo việc thiết kế và chế tạo thành công bom nguyên tử [J. Robert Oppenheimer - Simple English Wikipedia, the free encyclopedia](#),

Madison là James Madison (March 16, 1751 – June 28 1836) cựu sinh viên, cựu President của Princeton University, và cũng là Tổng Thống thứ IV, một trong những nhà lập quốc tài giỏi của Hoa Kỳ. Ông được nhắc đến như người có ảnh hưởng sâu rộng đến việc lập kế hoạch và phê chuẩn Hiến Pháp đầu tiên của Hoa Kỳ.

Fitzgerald là F. Scott Fitzgerald (September 24, 1896 – December 21, 1940) cựu sinh viên Princeton University và nhà văn Hoa Kỳ nổi tiếng [F. Scott Fitzgerald - Wikipedia](#)

[2] Claude Monet (November 14, 1840 – December 5, 1926) là họa sĩ danh tiếng người Pháp, một trong những người sáng lập trường phái ấn tượng và là họa sĩ nhất quán và nhiều tác phẩm nhất của phong trào triết học miêu tả những nhận thức của con người trước thiên nhiên, đặc biệt khi được áp dụng để vẽ phong cảnh ngoài trời.

[3] Đàn organ Mander-Skinner tại Nhà nguyện trong Chapel tại trường Đại học Princeton là một nhạc cụ nổi bật và có ý nghĩa lịch sử với 8.000 ống, nổi tiếng với âm thanh phong phú và thiết kế tinh xảo. Đây là một loại đàn organ cổ điển, thuộc dòng nhạc cụ phím, nổi bật với việc sử dụng các ống âm thanh để tạo ra âm thanh thay vì âm thanh điện tử như trong các loại đàn organ hiện đại. Đây là một dạng đàn organ khá phổ biến trong nhiều nhà thờ và các buổi hòa nhạc, đặc biệt trong nhạc cổ điển.

[4] **I**nstitute of **A**dvanced **S**tudy (IAS) là một trung tâm nghiên cứu lý thuyết cao cấp có trụ sở tại Princeton, New Jersey, Hoa Kỳ. Được thành lập năm 1930, IAS được biết tới như là viện nghiên cứu lý thuyết nổi tiếng thế giới, nơi làm việc của nhiều nhà khoa học châu Âu lánh nạn Thế Chiến thứ hai như Albert Einstein, John von Neumann và Kurt Gödel.

[5] Hình ảnh về một số sinh hoạt của Einstein với cộng đồng ban giám hiệu, giáo sư, và sinh viên trường Princeton: <https://dpul.princeton.edu/einstein-and-princeton/feature/princeton-university>

[6] [John Forbes Nash Jr. - Wikipedia](#)

[7] [John Nash | Biography, Game Theory, Nobel Prize, & Facts | Britannica](#)

[8] [John F. Nash Jr. – Facts - NobelPrize.org](#)

[9] [A Beautiful Mind \(the book\)](#)

[10] Giáo sư, Nghiên cứu viên, hoặc cựu Sinh viên và năm được giải Nobel về Economics) thuộc trường Đại Học Princeton trong những năm 1999-2015 (giai đoạn tác giả làm việc tại Princeton University):

[James Heckman](#) – 2000
[Michael Spence](#) – 2001
[Daniel Kahneman](#) – 2002
[Clive Granger](#) – 2003
[Robert Aumann](#) – 2005
[Eric Maskin](#) – 2007
[Paul Krugman](#) – 2008
[Christopher Sims](#) – 2011
[Thomas Sargent](#) – 2011
[Lloyd Shapley](#) – 2012
[Jean Tirole](#) – 2014
[Angus Deaton](#) – 2015

(based on: [List of Nobel laureates affiliated with Princeton University as alumni or faculty - Wikipedia](#))

[11] Van Gogh (March 30, 1853 – July 29 1890) danh họa người Hà Lan
[Vincent van Gogh - Wikipedia](#)

[12] [Van Gogh's Letters - Van Gogh Museum](#)

[13] Mayflower là một chiếc tàu buồm xuất phát từ Anh quốc đã chở một nhóm gia đình người Anh, được gọi là những người hành hương, từ Anh đến

Tân Thế giới vào năm 1620. Hành trình này đã đưa họ đến việc thành lập thuộc địa New England đầu tiên tại Plymouth, Massachusetts. Con tàu dài khoảng 24 feet (24 mét) và rộng 7,3 mét (24 feet), có khả năng chở khoảng 180 tấn hàng hóa. Mayflower có ý nghĩa quan trọng trong lịch sử Hoa Kỳ vì nó tượng trưng cho hành trình tìm kiếm tự do tôn giáo và sự thành lập một xã hội mới của những người hành hương (theo [Mayflower - Wikipedia](#))

[14] Theo <https://langmai.org/cuoc-doi-thien-su-thich-nhat-hanh/xuat-ban-sach-di-gap-mua-xuan/vi.princeton-va-colombia-mot-khung-troi-moi-1961-%E2%80%931963/>

[15] <https://universityarchives.princeton.edu/2021/04/princetons-east-college-horses-cannons-and-ghosts/>

[16] Alma mater (tiếng Latinh: alma mater) là một cụm từ tiếng Latinh mang tính ẩn dụ, có nghĩa là "người mẹ nuôi dưỡng". Cụm từ nhân cách hóa một ngôi trường nơi người nào đó đã theo học hoặc tốt nghiệp. (theo [Alma mater – Wikipedia tiếng Việt](#))

[17] <https://paw.princeton.edu/article/pete-conrad-53-princetons-moon>